

THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP SẢN XUẤT VÀ LIÊN KẾT TRONG TIÊU THỤ MƯỚP ĐẮNG CỦA NÔNG HỘ TẠI HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Trần Tiểu Phụng¹, Lê Thị Hồng Phương^{1,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá thực trạng sản xuất và liên kết trong tiêu thụ mướp đắng của nông hộ tại huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Ba phương pháp chính được sử dụng để thu thập thông tin bao gồm: Phỏng vấn người am hiểu (n=12) và các tác nhân (n=8); thảo luận nhóm (n=2 nhóm); phỏng vấn nông hộ (n=60). Kết quả nghiên cứu cho thấy, mướp đắng là loại cây đang được trồng phổ biến ở huyện Gio Linh, đem lại nguồn thu nhập khá tốt cho nông hộ. Mạng lưới tiêu thụ mướp đắng ở địa phương còn đơn giản, chưa có kênh tiêu thụ với giá cả ổn định. Các kênh tiêu thụ thường do nông hộ chủ động liên kết, chủ yếu qua kênh thương lái. Sản phẩm được bán trực tiếp chưa có ký kết bán thông qua hợp đồng với hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp. Sản xuất và tiêu thụ mướp đắng còn phụ thuộc lớn vào nhiều yếu tố như rủi ro thời tiết khí hậu, nhu cầu thị trường, giá cả, kinh nghiệm và năng lực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Vì vậy, trong những năm tới, chính quyền địa phương cần có các chính sách khuyến khích hỗ trợ, đầu tư phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cho nông hộ từ sản xuất mướp đắng.

Từ khóa: Liên kết, sản xuất, tiêu thụ, mướp đắng, hiệu quả, Gio Linh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Cây Mướp đắng (Khổ qua) là một loại rau ăn quả được sử dụng phổ biến với giá trị dinh dưỡng cao. Bên cạnh đó, quả mướp đắng còn có giá trị dược liệu và được sử dụng như một bài thuốc quý để chữa trị nhiều căn bệnh hiểm nghèo ở nhiều quốc gia trên thế giới [1]. Đây là một trong những giống cây trồng đã và đang mang lại những lợi ích cho người sản xuất và người sử dụng bởi giá trị mà nó mang lại. Chính vì vậy năm 2018, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đã hỗ trợ huyện Gio Linh thực hiện dự án cấp cơ sở về phát triển mướp đắng sử dụng lưới chắn côn trùng đơn giản do Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Gio Linh thực hiện. Kết quả của mô hình đã khẳng định hiệu quả về kinh tế, xã hội cũng như môi trường đối với nông hộ tham gia [7].

Cùng với tiềm năng trong sản xuất nông nghiệp thì sản xuất mướp đắng đã và đang mang lại nguồn thu nhập quan trọng, góp phần cải thiện kinh tế gia đình cho nông hộ, đặc biệt là những nông hộ có thu nhập thấp và cuộc sống đặc biệt khó khăn [2]. Hiện nay, để nâng cao hiệu quả cho một mô hình sản xuất nông nghiệp không chỉ tập trung vào yếu tố kỹ thuật

mà cần nghiên cứu các yếu tố liên quan đến liên kết trong việc cung ứng đầu vào cho sản xuất và thị trường đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp [3], [4]. Tuy nhiên, những nghiên cứu về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ mướp đắng còn khá hạn chế, đồng thời chưa có các đánh giá về yếu tố ảnh hưởng và những thuận lợi khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ loại cây này để làm cơ sở xây dựng các giải pháp khắc phục, can thiệp nâng cao hiệu quả sản xuất mướp đắng ở địa phương. Dựa trên cơ sở đó, nghiên cứu “*Thực trạng, giải pháp sản xuất và liên kết tiêu thụ mướp đắng của nông hộ tại huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị*” nhằm tìm hiểu về thực trạng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ mướp đắng của nông hộ, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của mô hình trồng mướp đắng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp lựa chọn địa bàn nghiên cứu

Xã Gio Mỹ và xã Gio Phong, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị được lựa chọn là điểm nghiên cứu. Đây là địa phương có truyền thống trồng mướp đắng, nông hộ có nhiều năm kinh nghiệm sản xuất. Việc lựa chọn 2 xã nghiên cứu không nhằm mục đích so sánh sự khác biệt về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ của nông hộ sản xuất mướp đắng, mà nhằm mục đích tăng tính đại diện của các nông hộ khảo sát.

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

* Email: lethihongphuong@huaf.edu.vn

2.2. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng chọn mẫu ngẫu nhiên có định hướng, là các nông hộ có trồng mướp đắng, tham gia vào HTX nông nghiệp, tham gia vào thị trường tiêu thụ mướp đắng và là các nông hộ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Tính đến năm hết năm 2020, trên địa bàn huyện có gần 680 nông hộ trồng mướp đắng có tham gia vào HTX nông nghiệp và thực hiện theo tiêu chuẩn VietGAP [5]. Các nông hộ này tập trung chủ yếu tại hai xã Gio Mỹ và Gio Phong, là hai xã trọng điểm được Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hỗ trợ kỹ thuật cho mô hình trồng mướp đắng theo tiêu chuẩn VietGAP. Kết quả 60 nông hộ trồng mướp đắng được lựa chọn để tiến hành khảo sát thu thập thông tin.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập thông tin thứ cấp: được thu thập và tổng hợp từ các báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội qua các năm (năm 2018 đến năm 2020) của UBND xã Gio Mỹ, Gio Phong, huyện Gio Linh; báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp và phương hướng sản xuất nông nghiệp của UBND xã Gio Mỹ, Gio Phong; các nguồn tài liệu sách, báo, các số liệu thống kê đã được công bố liên quan đến nghiên cứu; báo cáo từ các chương trình, dự án liên quan đến nghiên cứu và thông tin từ các trang mạng điện tử.

Thu thập thông tin sơ cấp: nghiên cứu áp dụng phương pháp phỏng vấn, thảo luận nhóm và phỏng vấn nông hộ để thu thập số liệu sơ cấp. Phỏng vấn cán bộ lãnh đạo và cán bộ nông nghiệp cấp huyện, xã và thôn (n=12); các tác nhân tham gia vào liên kết trong sản xuất và tiêu thụ mướp đắng (n=8). Thảo luận nhóm: 2 thảo luận nhóm với các nông hộ am hiểu (7 nông hộ/1 nhóm) và 01 thảo luận nhóm với các tác nhân tham gia sản xuất và tiêu thụ mướp đắng trên địa bàn 2 xã (9 tác nhân/1 nhóm). Phỏng vấn nông hộ: 60 nông hộ trồng mướp đắng được phỏng vấn bằng bảng hỏi bán cấu trúc.

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu thu thập được. Đối với các dữ liệu thứ cấp, phỏng vấn được phân tích, đánh giá qua các bảng biểu, sơ đồ bằng phương pháp phân tích định tính. Đối với các dữ liệu phỏng vấn nông hộ được nhập và xử lý bằng Excel và SPSS để có kết quả về trị giá trung bình, độ lệch chuẩn.

Đối với đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất mướp đắng, nghiên cứu áp dụng điểm thô của mục tiêu kinh tế là lợi nhuận thu được cụ thể: “Lợi nhuận = tổng doanh thu – tổng chi phí”. Đây là chỉ tiêu bao hàm các chỉ tiêu khác về mặt kinh tế. Đối với đánh giá hiệu quả xã hội và môi trường, nghiên cứu áp dụng đánh giá định tính theo thang đo Likert 5 mức độ [6].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của nông hộ khảo sát**

Đặc điểm kinh tế - xã hội của nông hộ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tham gia và hiệu quả các hoạt động sinh kế của nông hộ. Kết quả phỏng vấn nông hộ cho thấy rằng, phần lớn giới tính chủ nông hộ là nam giới, chiếm 78,33%, chủ nông hộ nữ chiếm 21,67%. Tuổi chủ nông hộ được khảo sát là khá cao với trung bình 59 tuổi. Tuổi chủ nông hộ cao phản ánh kinh nghiệm của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp nói chung và mướp đắng nói riêng. Đây cũng là lợi thế khi tham gia vào các dự án được hỗ trợ tại địa phương, nông hộ sẽ có khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu của dự án. Theo kết quả khảo sát nông hộ chỉ có 1,67% là hộ nghèo, cận nghèo còn lại là nông hộ khá và trung bình (hộ trung bình chiếm 61,67%, hộ khá chiếm 36,67%). Hiện nay, nông hộ sản xuất thường chủ động đầu tư hơn trong sản xuất nông nghiệp tạo thu nhập nâng cao đời sống.

Ở địa phương nguồn lao động khá dồi dào với trung bình số lao động trên nông hộ 3,17 người/hộ. Trình độ học vấn cho thấy khả năng tiếp nhận kiến thức mới, tiếp cận các thông tin, cũng như thể hiện năng lực tham gia sản xuất, tìm kiếm thị trường đầu ra tạo sinh kế của nông hộ. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng trình độ học vấn của chủ nông hộ khảo sát còn thấp, trong đó trình độ nông hộ cấp 2 chiếm tỷ lệ cao nhất là 58,33%. Chủ nông hộ không đi học chiếm tỷ lệ thấp chỉ 1,67%, mặc dù không đi học nhưng nông hộ vẫn biết chữ và có thể tham gia vào thị trường, tuy nhiên so với nông hộ được đi học thì họ vẫn gặp hạn chế.

3.2. Thực trạng và hiệu quả sản xuất mướp đắng của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu**3.2.1. Thực trạng sản xuất mướp đắng của nông hộ**

Tính đến năm 2021, tổng diện tích trồng mướp đắng của xã Gio Mỹ là 25 ha và Gio Phong là 23 ha và là hai xã có diện tích trồng mướp đắng lớn của huyện

Gio Linh. Tại 2 xã này, mướp đắng được trồng 1 vụ/năm, thường bắt đầu từ tháng 10 (âm lịch), thời điểm gieo trồng sẽ tùy thuộc vào địa hình từng khu vực. Thời gian thu hoạch kéo dài 3 - 5 tháng, tùy theo mức độ thâm canh của nông hộ. Mướp đắng được trồng tại 2 xã này tuân theo các quy trình hướng dẫn từ Phòng Nông nghiệp và PTNT và Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nên chất lượng đảm bảo theo yêu cầu của thị trường. Chính quyền huyện Gio Linh cũng đang tập trung chỉ đạo sản xuất một số mặt hàng nông sản sạch trên địa bàn, trong đó có mướp đắng theo tiêu chuẩn VietGAP để nâng cao giá trị sản xuất, hình thành các làng nghề sản xuất của Chương trình OCOP. Hơn nữa, ý thức của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp cũng dần được nâng lên sẽ chuyển đổi dần sang canh tác hữu cơ tạo nông sản sạch để phát triển bền vững.

Diện tích trồng, năng suất, sản lượng, giá bán, kinh nghiệm trồng và giống mướp đắng là những chỉ số phản ánh thực trạng sản xuất mướp đắng của nông hộ. Bảng 1 trình bày thực trạng về diện tích, năng suất, sản lượng và giá bán của nông hộ sản xuất mướp đắng.

Bảng 1. Thực trạng sản xuất mướp đắng của nông hộ khảo sát (n=60)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Diện tích trồng	Sào (500 ²)	1,5	1,0
Năng suất	Kg/sào	613,3	286,4
Sản lượng	Tạ	10,3	9,6
Giá bán	Đồng/kg	17.316,7	5.321,8

Nguồn: Phỏng vấn nông hộ, năm 2021

Bảng 1 cho thấy, trung bình diện tích trồng mướp đắng là 1,5 sào/nông hộ và mỗi năm chỉ trồng 1 vụ, diện tích này còn khá nhỏ so với tổng diện tích đất nông nghiệp của nông hộ. Đất trồng mướp đắng chủ yếu là diện tích đất vườn nhà, chỉ có một vài nông hộ có kết hợp thêm trồng ở vùng đất cát hay đất trồng lúa bỏ hoang. Năng suất mướp đắng trung bình 613,3 kg/sào và sản lượng là 10,3 tạ/1 sào. Độ lệch chuẩn lớn 286,4 kg cho thấy chênh lệch về năng suất mướp đắng giữa các nông hộ khá chênh lệch, nhiều nông hộ cho năng suất cao nhưng nhiều nông hộ lại cho năng suất khá thấp. Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn chỉ ra rằng, lý do các nông hộ cho năng suất mướp đắng thấp chủ yếu là do thiếu kỹ thuật trồng, trồng sớm và chất lượng giống thấp.

Hiện nay, có khá nhiều vùng sản xuất mướp đắng, số lượng sản phẩm trên thị trường ngày càng nhiều. Kết quả phỏng vấn các tác nhân chỉ ra rằng, giá bán mướp đắng năm 2018 và 2019 trung bình từ 25.000 - 30.000 đồng/1 kg. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát nông hộ thì giá mướp đắng cuối năm 2020 và đầu năm 2021 dao động khoảng 17.000 đồng/1 kg. Lý do giá giảm từ nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là hiện nay có khá nhiều vùng sản xuất được mướp đắng với năng suất cao nên sản phẩm trên thị trường ngày càng nhiều.

Về kinh nghiệm trồng mướp đắng, phân tích kết quả khảo sát chỉ ra rằng phần lớn số nông hộ đều có khá nhiều năm kinh nghiệm trong sản xuất từ kỹ thuật trồng, cách chăm sóc đến khâu thu hoạch. Tỷ lệ nông hộ có số năm kinh nghiệm trên 10 và 15 năm chiếm tỷ lệ cao, lần lượt là 48,33 và 40%, còn lại là nông hộ trên 5 năm kinh nghiệm (11,67%, n = 7). Vì thế khi nhận được sự đầu tư của các dự án nông hộ khá chủ động trong tiếp cận sản xuất, dễ dàng thay đổi phù hợp với hướng đi mới của nền nông nghiệp.

3.2.2. Hiệu quả sản xuất mướp đắng của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu

- Hiệu quả kinh tế sản xuất mướp đắng

Bảng 2. Chi phí đầu vào cho 1 sào (500 m²) trồng mướp đắng (n=60)

Chi phí đầu vào	Đơn vị tính	Giá trị (đồng)
Giống sản xuất	Đồng	92.833
Phân bón hóa học	Kg	626.333
Thuê lao động	Công	445.454
Làm đất	Công	283.500
Thuốc BVTV	Đồng	40.000
Phân hữu cơ	Kg	1.123.333
Lưới làm giàn	Đồng	239.215
Chi phí khác	Đồng	139.062
Tổng chi phí/sào	Đồng	2.491.667

Nguồn: Phỏng vấn nông hộ, năm 2021

Hiệu quả kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực đầu vào để đạt được mục tiêu xác định của nông hộ. Các chỉ tiêu phản ánh chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất mướp đắng bao gồm: giống, phân bón, thuê lao động (làm đất và phun thuốc), thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), phân hữu cơ, lưới làm giàn, chi phí khác. Tuy nhiên, tổng chi phí trong tính toán hiệu quả kinh tế không đề cập đến số công lao động nông hộ bỏ ra vì quá trình thu thập hầu hết nông hộ

không thể ước tính được số công lao động tham gia vào hoạt động sản xuất mướp đắng. Kết quả tổng hợp từ khảo sát nông hộ cho thấy một số chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất mướp đắng của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2 cho thấy, tổng chi phí để sản xuất cho một sào (500 m²) mướp đắng của nông hộ trung bình là 2,5 triệu đồng, bao gồm các chi phí cần thiết như giống, phân bón hóa học, phân hữu cơ, lưới làm giàn, thuê lao động, làm đất. Trong đó, chi phí về giống và thuốc BVTV là rất thấp. Về giống sản xuất, đa phần người dân tự lựa chọn những quả đẹp để làm giống, được gọi là giống bản địa, tính thành tiền chi phí giống vào khoảng hơn 90.000 đồng/1 sào. Về thuốc BVTV, hiện nay tại địa phương nông hộ nhận thức tốt hơn về tác hại của thuốc BVTV nên chi phí thuốc BVTV sử dụng khá ít. So với 2 năm trước đây, mỗi lần sâu, bệnh nông hộ thường tìm đến thuốc BVTV để phun trừ nhanh. Nhưng từ khi tham gia vào mô hình sản xuất mướp đắng theo hướng VietGAP, khi gặp sâu, bệnh trước tiên nông hộ thường áp dụng các biện an toàn sinh học như sử dụng thuốc phòng trị bệnh có nguồn gốc sinh học và cách ly đúng ngày, áp dụng phương pháp dẫn dụ côn trùng và bắt sâu, cắt tỉa các nhánh lá hư...Chính vì vậy, chi phí đối với phân hữu cơ là cao nhất trong tổng chi phí đầu tư 1 sào mướp đắng. Phân bón đa phần có nguồn gốc từ phân chuồng hoặc phế phẩm cây trồng được ủ hoại mục. Ngoài phương pháp truyền thống là ủ thành đống đến khi hoại mục thì hiện nay nông hộ sản xuất sử dụng thêm chế phẩm sinh học để ủ hoại nhanh hơn. Phân bón an toàn đang bổ sung thêm một số chủng loại vì sinh vật có lợi trong việc cải tạo đất, hạn chế các vi sinh vật, nấm gây hại trên cây trồng.

Kết quả khảo sát nông hộ chỉ ra rằng, bình quân mỗi nông hộ sản xuất mướp đắng trên 1 sào cho doanh thu 10,62 triệu đồng, tuy nhiên độ lệch chuẩn khá lớn ($\pm 5,35$) cho thấy hiệu quả kinh tế của nhiều nông hộ khá chênh lệch nhau. Lý do là vì nông hộ trồng có sự chênh lệch cao về năng suất và thời điểm bán giá có sự biến động, đầu vụ giá bán cao gấp 2 - 3 lần so với cuối vụ. Một số nông hộ có điều kiện thuận lợi về địa hình như vị trí đất cao, gần nguồn nước và có diện tích vườn nhà rộng nên trồng sớm đem lại giá trị cao hơn. Sau khi trừ chi phí, thu nhập trung bình đem lại 8,13 triệu đồng/sào. So với hiệu quả từ 1 sào lúa thì mướp đắng đem lại hiệu quả gấp 3 - 4 lần. Trong cơ cấu thu nhập từ trồng trọt, theo người

dân sau lúa thì mướp đắng là cây trồng thứ hai đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Hiệu quả xã hội từ hoạt động sản xuất mướp đắng

Ngoài hiệu quả về mặt kinh tế thì khi sản xuất mướp đắng, hiệu quả xã hội là một chỉ tiêu cho thấy sản xuất có thực sự đem lại sự thay đổi trong cuộc sống của nông hộ trong xã hay không. Hiệu quả này được thể hiện qua các điểm sau: giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho nông hộ, cải thiện đời sống góp phần xóa đói giảm nghèo và hạn chế các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định trật tự xã hội trên địa bàn.

Sự phát triển nhanh của công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp sạch là bước phát triển nhanh chóng để tạo ra những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu với dịch bệnh tốt hơn. Ứng dụng rộng vào trong nông nghiệp mang lại những tác động tích cực vào sản xuất. Trong thay đổi phương thức sản xuất, nông hộ đã có nhiều sự thay đổi trong phương thức canh tác với mức đánh giá thay đổi tốt chiếm 56,67%. Dưới sự hướng dẫn của các cán bộ trong những buổi tập huấn, cùng với sự học hỏi thêm của nông hộ, họ đã luôn chủ động áp dụng những kỹ thuật mới phần nào cải thiện năng suất, chất lượng cây trồng. Sự thay đổi này đang dần hòa nhập hơn, phù hợp với sự phát triển của công nghệ cao trong nền nông nghiệp hiện đại. Bên cạnh đó là thay đổi để khắc phục các hậu quả của biến đổi khí hậu đang ngày càng diễn biến phức tạp trên thế giới. Tuy nhiên, một số nông hộ còn thiếu tính chủ động, không tham gia vào những lớp tập huấn, hướng dẫn nên khả năng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật còn kém, chưa đem lại hiệu quả mong đợi.

Đối với thu nhập của lao động, khi có sản xuất mướp đắng, nguồn thu nhập về trồng trọt của nông hộ được cải thiện tốt hơn. Với một số nông hộ, đây là nguồn thu nhập chính trong gia đình. Vì thu nhập tương đối ổn định nên nhiều nông hộ đã mở rộng quy mô sản xuất trên một số vùng đất để trồng để tăng thêm thu nhập, nâng cao đời sống. Về việc làm, nông hộ đánh giá mức độ giải quyết việc làm khá tốt, mức tốt chiếm đến 56,67%. Theo người dân, mỗi sào mướp đắng giải quyết từ 1 - 2 lao động trong gia đình. Những nông hộ sản xuất nhiều rất cần thêm công lao động, phần nào giúp tạo công ăn việc làm thêm cho một số người dân. Có thể thấy rằng, sản xuất mướp

đảng cũng đang ảnh hưởng khá nhiều đến phát triển nông thôn, cộng đồng khi tỷ lệ đánh giá tốt với chỉ tiêu này lên đến 61,67%. Lý do là vì khi các nông hộ tham gia vào sản xuất thì sẽ tạo ra sự thi đua, tăng gia sản xuất nhiều hơn để đạt được kết quả tốt nhất. Sản xuất cho năng suất chất lượng cao, thu nhập tốt sẽ đem lại sự uy tín cho người nông dân. Khi sản phẩm phát triển tốt sẽ đem lại thương hiệu cho vùng trồng, đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Vì thu nhập từ mướp đắng ngày càng cao hơn so với trước đây nên giúp nông hộ phần nào cải thiện cuộc sống. Khi điều kiện kinh tế tốt, nhu cầu nâng cao đời sống văn hóa của người dân cũng tăng lên. Tuy nhiên do quy mô sản xuất còn nhỏ nên giá trị mang lại chưa thực sự lớn, mức độ cải thiện đời sống còn ở mức trung bình, chưa thực sự cải thiện nhanh chóng. Nhìn chung, trồng mướp đắng mang lại lợi ích rất lớn về mặt xã hội khi đã giải quyết việc làm cho nhiều nông hộ và cải thiện thu nhập khá tốt cho người sản xuất, bên cạnh đó còn góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Hiệu quả môi trường trong sản xuất mướp đắng

Đất đai không bị ảnh hưởng quá nhiều bởi hoạt động sản xuất mướp đắng, mức ảnh hưởng đánh giá đất đai bình thường chiếm 70%, đánh giá ảnh hưởng tốt là 28,33%. Vì sản xuất đúng kỹ thuật và có biện pháp cải tạo đất nên hầu như đất đai không bị tác động mà còn tốt hơn khi có sự ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh, không sử dụng thuốc

BVTV, hạn chế phân bón hóa học, đất đai không bị tồn dư các chất độc hại. Về chất lượng nguồn nước cũng vậy, không bị tác động xấu, không bị ô nhiễm bởi quá trình sản xuất. Khi trồng mướp đắng, hệ thống cây xanh giúp cho môi trường nông thôn ngày càng trong lành hơn. Nông hộ đánh giá hoạt động sản xuất mướp đắng đang ảnh hưởng tốt và rất tốt đến môi trường không khí chiếm tỷ lệ cao, lần lượt là 50%, 33,33%. Nông hộ cũng nhận thức tốt hơn về bảo vệ môi trường thiên nhiên, hạn chế các hoạt động như: phun thuốc BVTV, có sự cải tạo đất đai, hạn chế lượng phân bón hóa học. Nhiều nông hộ khảo sát trả lời rằng, sản xuất gây ô nhiễm thì nông hộ sẽ bị ảnh hưởng trước tiên, gây hại trực tiếp cho chính sức khỏe bản thân và gia đình.

3.3. Thực trạng liên kết tiêu thụ mướp đắng của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu

3.3.1. Kênh tiêu thụ sản phẩm mướp đắng của nông hộ

Sau sản xuất thì khâu tiêu thụ sản phẩm là cực kỳ quan trọng, quyết định đến chất lượng nguồn thu nhập của nông hộ. Ở địa phương chưa có cơ sở nào thu mua mướp đắng tươi để sản xuất ra các sản phẩm từ mướp đắng. Mướp đắng phần lớn là để tiêu dùng tươi, vì thế quả không để được trong thời gian dài. Bên cạnh đó hiện nay có khá nhiều nơi sản xuất mướp đắng nên thị trường có sự cạnh tranh cao. Các kênh tiêu thụ sản phẩm mướp đắng của các nông hộ khảo sát được thể hiện ở bảng 3 và hình 1.

Bảng 3. Kênh tiêu thụ sản phẩm mướp đắng của các nông hộ khảo sát (n=60)

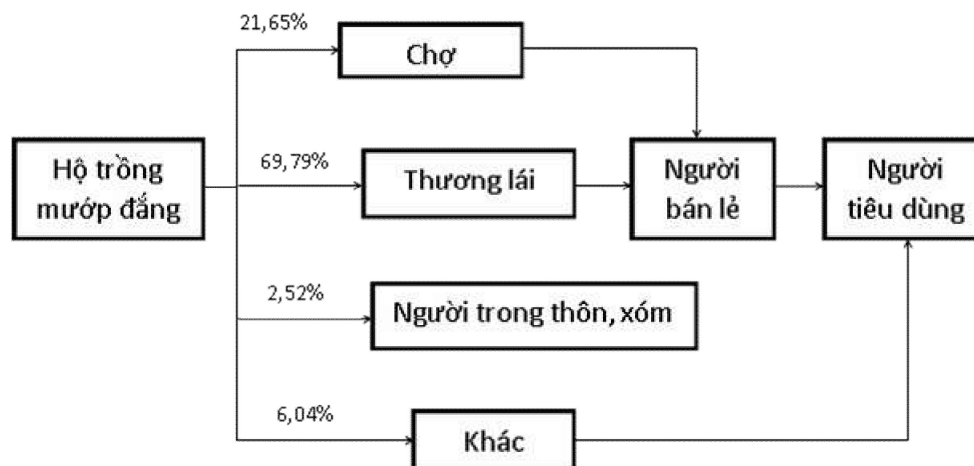
Kênh tiêu thụ	Số nông hộ bán qua kênh tiêu thụ tương ứng	Tỷ lệ nông hộ (%)	Số lượng (kg)	Tỷ lệ bán cho từng kênh (%)
Thương lái	57	95,0	43.010	69,8
Chợ	38	63,3	13.340	21,7
Hợp tác xã	0	0,0	0	0
Người trong xóm, thôn	26	43,3	1.550	2,5
Khác (Xất phoi bán và tiêu dùng)	49	81,7	3725,0	6,0
Tổng	170	283,3	61.625,0	100

Bảng 3 cho thấy, có 2 kênh tiêu thụ chính cho sản phẩm mướp đắng tại địa phương là thương lái và ở chợ. Đối với kênh tiêu thụ là thương lái, có đến 95% nông hộ bán qua kênh này với số lượng trên 43 tấn, chiếm tỷ lệ 69,79% trong tổng số sản lượng. Thường sau khi thu hoạch, thương lái sẽ đến tận nhà thu mua

Nguồn: Phỏng vấn nông hộ, năm 2021
và đem đi tiêu thụ ở các chợ. Đối với bán tại chợ, tùy theo điều kiện từng nông hộ sẽ kết hợp bán thêm các điểm chợ, kênh này tỷ lệ nông hộ bán chiếm ít hơn chỉ 43,33%. Lợi ích khi bán tại chợ là giá cả dao động cao hơn so với bán tại vườn, bên cạnh đó còn có thể bán các quả nhỏ khi bị thương lái ép giá. Tuy nhiên

việc này mất rất nhiều thời gian và công sức của nông hộ sản xuất. Về các kênh tiêu thụ khác, tỷ lệ nông hộ bán khá cao nhưng số lượng bán lại ít chỉ chiếm 2,52% đối với bán cho người trong xóm thôn và 6,04% trong tổng sản lượng mướp đắng đối với kênh khác. Người mua ở những kênh này thường để tiêu dùng ngay, một phần sẽ để xắt phơi làm thuốc và bán dược liệu.

Theo nông hộ khảo sát, kênh tiêu thụ mướp đắng tại địa phương còn khá ít, thường là nông hộ tự chủ động trong khâu tìm kiếm thị trường đầu ra và bán trực tiếp, chưa có sự liên kết, hợp tác với HTX tìm kiếm ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nên giá mướp đắng hàng năm không ổn định và thường xuyên bị thương lái ép giá. Khó khăn chủ yếu là vì mướp đắng chưa đạt tiêu chuẩn VietGAP nên chưa có sự tin tưởng về chất lượng của một số thị trường khó tính.



Hình 1. Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm mướp đắng của nông hộ

Hình 1 cho thấy, mạng lưới tiêu thụ mướp đắng tại địa phương phụ thuộc lớn vào kênh tiêu thụ là thương lái, tổng sản lượng bán cho kênh này lên đến 69,79%. Đây cũng là trung gian quan trọng đưa sản phẩm đến người bán lẻ và người tiêu dùng. Vì ở địa phương chưa có một sơ sở nào đứng ra thu mua bao tiêu sản phẩm cho nông hộ nên thị trường tiêu thụ còn khá bấp bênh. Ngoài kênh thương lái trên thì kênh tiêu thụ tại chợ cũng đóng góp rất lớn vào mạng lưới tiêu thụ sản phẩm mướp đắng, chiếm tỷ lệ 21,65% trong tổng sản lượng. Các kênh tiêu thụ còn lại gồm nông hộ sản xuất bán trực tiếp cho người trong thôn, xóm và xắt phơi khô để bán và tiêu dùng, số lượng tiêu thụ ở các kênh này còn ít và chiếm tỷ lệ thấp. Nhìn chung mạng lưới tiêu thụ mướp đắng ở địa phương còn đơn giản, chưa có kênh tiêu thụ thu mua với giá cả ổn định.

3.3.2. Các mối liên kết của nông hộ trong sản xuất và tiêu thụ mướp đắng

Bảng 4 cho thấy, liên kết ngang giữa nông hộ sản xuất - nông hộ sản xuất khá chặt chẽ, biểu hiện

Nguồn: Phỏng vấn nông hộ, năm 2021

chỉ có 1,67% là đánh giá liên kết này ở mức thấp không chặt chẽ. Ở địa phương, nông hộ gắn kết khá bền chặt, các thông tin trao đổi rất đa dạng, từ thông tin về mùa vụ, thời điểm xuống giống, cách phòng trừ sâu, bệnh đến các thông tin về giá bán trên thị trường... Đây là điều kiện thuận lợi cho việc liên kết hợp tác tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm sau này.

Ở liên kết dọc, trong liên kết giữa nông hộ sản xuất - HTX thì HTX là đối tác tìm kiếm các dự án hỗ trợ cho nông hộ như tập huấn kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ đầu vào, đầu ra, tạo thương hiệu cho sản phẩm... Nhưng hiện có nhiều nông hộ không nằm trong dự án nên chưa có sự hỗ trợ đồng đều. Nông hộ sản xuất rất quan tâm đến việc tìm đầu ra thu mua sản phẩm, tuy nhiên hiện nay việc HTX tìm kiếm đầu ra vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do vùng nguyên liệu chưa đáp ứng một số yêu cầu về chất lượng và số lượng. Liên kết vẫn chưa bền chặt, chưa có sự kết hợp chặt chẽ. Vì vậy, ở mức độ liên kết này, nông hộ đánh giá mức liên kết ở mức trung bình, liên kết chặt chẽ chiếm tỷ lệ 60%.

Về mức liên kết giữa nông hộ sản xuất - người thu gom (thương lái), đánh giá mức liên kết khá cao chiếm đến 90%. Ở địa phương, do chưa có sự liên kết với doanh nghiệp, đầu ra không cố định nên mướp đáng sản xuất ra thường là thương lái đến tận vườn thu gom đưa về các điểm chợ đầu mối, người bán lẻ để tiêu thụ. Đối với liên kết giữa nông hộ sản xuất - người bán lẻ, số điểm đánh giá của nông hộ ở mức liên kết trung bình. Thường nông hộ tiêu thụ mướp đáng tại chợ sẽ gặp gỡ trao đổi buôn bán với người bán lẻ, tuy nhiên số lượng khá ít. Người bán lẻ phần lớn lấy mướp đáng từ thương lái để bán lại cho người tiêu dùng. Với mối liên kết giữa nông hộ sản xuất - người tiêu dùng, vì đa số người sản xuất thường bán sản phẩm cho người bán lẻ và thương lái, việc bán trực tiếp cho người tiêu dùng cũng ít đi, sự trao đổi giữa hai nhóm này không thường xuyên nên phản hồi của khách hàng và người sản xuất khá ít. Vì vậy, ở mức liên kết với người tiêu dùng nông hộ đánh giá chỉ ở mức thấp và trung bình.

Kết quả phân tích chỉ ra rằng, ở mức độ liên kết ngang trong sản xuất và tiêu dùng mướp đáng khá tốt, liên kết giữa các nông hộ nông dân khá bền chặt. Về liên kết dọc, mối liên kết khá lỏng so với liên kết với HTX, người bán lẻ, người tiêu dùng. Ở liên kết này chỉ có liên kết với người thu gom cao tuy nhiên nông hộ khá phụ thuộc vào mối liên kết này, nhất là về giá cả. Vì chưa có sự liên kết với doanh nghiệp, nên có thể thấy đầu ra đang phụ thuộc vào thương lái, chưa có tính bền vững và chưa tạo ra nhiều giá trị cho người nông dân. Một nền nông nghiệp hiện đại không thể phát triển mạnh mẽ nếu không khắc phục được kinh tế nông hộ nhỏ lẻ, tự phát. Muốn sản xuất hàng hóa lớn thì cần phải liên kết chặt chẽ. Nhu cầu hợp tác, liên kết không chỉ của nông hộ mà còn của các doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả, bền vững, nâng cao thu nhập đời sống nông dân, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Vậy nên, cần khuyến khích sự liên kết bền chặt hơn giữa nông dân với các đối tác trong sản xuất loại cây trồng này.

Bảng 4. Các mối liên kết của nông hộ (n=60)

Mối liên kết của nông hộ	Mức độ liên kết (% nông hộ trả lời)		
	Không chặt chẽ	Chặt chẽ	Rất chặt chẽ
Liên kết ngang			
Nông hộ sản xuất - Nông hộ sản xuất	1,67	46,67	51,67
Liên kết dọc			
Nông hộ sản xuất - Hợp tác xã	23,33	60	16,67
Nông hộ sản xuất - Người thu gom	1,67	8,33	90
Nông hộ sản xuất - Người bán lẻ	36,67	16,67	46,67
Nông hộ sản xuất - Người tiêu dùng	50	48,33	1,67

Nguồn: Phỏng vấn nông hộ, năm 2021

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ mướp đáng

Để mướp đáng cho năng suất cao, hiệu quả sản xuất tốt thì sản xuất mướp đáng luôn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Vì vậy muốn phát triển hoạt động cần phải có đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng, xem xét mặt thuận lợi và hạn chế để phát huy, cải thiện hiệu quả sản xuất cây trồng.

Theo kết quả khảo sát nông hộ, địa hình ảnh hưởng khá nhiều đến hoạt động sản xuất mướp đáng

của người dân, có 40 - 45% mức đánh giá ít nghiêm trọng và nghiêm trọng đến hoạt động này và 13,33% nông hộ là ảnh hưởng nhẹ. Vì theo người dân địa hình thấp hoặc cao quyết định đến thời điểm gieo trồng sớm hay muộn, cây trồng sớm phát triển nhanh kịp mùa vụ sẽ cho năng suất và giá bán cao hơn.

Về yếu tố rủi ro khí hậu, đây là yếu tố quyết định rất lớn đến sản xuất mướp đáng. Cây mướp đáng rất dễ bị tác động bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan như rét hại, bão lũ, sương muối, nắng hạn kéo dài,... Vì thế nếu thời tiết không thuận lợi sẽ làm

chậm khả năng sinh trưởng, giảm năng suất chất lượng của cây mướp đắng. Theo nông hộ đánh giá, có 41,7 và 55% mức đánh giá là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng đối với yếu tố rủi ro khí hậu này. Nên để phòng tránh những rủi ro, thiệt hại do những hiện tượng trên gây ra cần đưa ra các biện pháp kịp thời để khắc phục lâu dài.

Nhu cầu thị trường cũng là yếu tố để người dân quyết định có nên tiếp tục sản xuất loại nông sản này hay không. Có nhu cầu và có thị trường tiêu thụ thuận lợi thì việc sản xuất và cung cấp cho thị trường sẽ dễ dàng hơn, không bị tồn đọng sản phẩm. Theo kết quả nghiên cứu cho thấy có đến 60% tỷ lệ nông hộ đánh giá nhu cầu thị trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ mướp đắng tại địa bàn nghiên cứu.

Đối với yếu tố giá cả thị trường, trong quá trình sản xuất nông nghiệp, yếu tố này có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của người dân. Giá cả được người dân đánh giá là ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ mướp đắng, chiếm đến 53,5%. Nếu giá cả biến động sẽ làm người dân khó khăn hơn trong tiêu thụ mướp đắng. Giá cả ổn định, giá cao thì người dân có động lực hơn trong quá trình sản xuất, sản phẩm tiêu thụ dễ dàng.

Điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bao gồm kết cấu hạ tầng nông thôn như hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi, hệ thống thông tin, các trung tâm giao dịch, chợ... để đáp ứng nhu cầu thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa và sản xuất nông nghiệp. Điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi giúp người dân dễ dàng giao thương hàng hóa, thuận lợi tiếp cận trong đầu vào và đầu ra cho sản phẩm. Tuy nhiên những nông hộ khảo sát cho rằng, điều kiện kinh tế - xã hội địa phương chỉ ảnh hưởng một phần, đánh giá ảnh hưởng nhẹ lên đến 55% vì nông hộ cho rằng quan trọng hơn vẫn là các yếu tố ảnh hưởng trong khâu sản xuất và có thị trường tiêu thụ.

Đối với các chính sách phát triển, theo nhóm nông hộ khảo sát đánh giá các chính sách ảnh hưởng không đáng kể, chiếm 31,67% và chỉ ảnh hưởng nhẹ chiếm tỷ lệ lớn 41,67% đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ mướp đắng của nông hộ. Chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp là rất quan trọng thúc đẩy người dân phát triển sản xuất. Tuy nhiên, ở địa phương các chính sách hỗ trợ còn hạn chế, tập trung hỗ trợ về kỹ thuật, đầu vào như phân bón, lưới, bạt ni

lon và một số dụng cụ thu hoạch, chưa có sự hỗ trợ về đầu ra cho sản phẩm, đây là điều được người dân rất quan tâm. Các chính sách cũng chưa áp dụng đồng đều đối với tất cả nông hộ mà ưu tiên trước đối với vùng có điều kiện thuận lợi. Một số nông hộ không nhận được sự hỗ trợ từ chính sách khi sản xuất mướp đắng.

Về các yếu tố bên trong, năng lực áp dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất là các yếu tố có ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến kết quả sản xuất mướp đắng của nông hộ. Sản xuất nông nghiệp không thể tách rời với những tiến bộ khoa học kỹ thuật vì nó tạo ra cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt và kinh nghiệm là điều cần thiết giúp người dân dễ dàng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trình độ và nguồn thu nhập của nông hộ được đánh giá ảnh hưởng ít hơn, mức đánh giá ít nghiêm trọng và ảnh hưởng nhẹ chiếm tỷ lệ cao

3.5. Khó khăn và các giải pháp trong sản xuất và tiêu thụ mướp đắng

Tìm hiểu các khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ mướp đắng là rất quan trọng để từ đó định hướng cho địa phương tìm ra các giải pháp hỗ trợ người dân nâng cao hiệu quả loại cây trồng này. Khảo sát xác định tỷ lệ phần trăm nông hộ đối mặt với các khó khăn được tổng hợp từ thảo luận nhóm.

Kết quả khảo sát thấy, một số khó khăn lớn nhất đối với nông hộ trong sản xuất mướp đắng đó là sâu, bệnh hại cây trồng nhiều (100%), công lao động cao (90%), thiếu thị trường, tiêu thụ bấp bênh (73,33%), năng suất không ổn định (70%), giá bán không ổn định (58,33%). Đối với cây mướp đắng đòi hỏi nhiều kỹ thuật, tốn nhiều công trồng, chăm sóc. Đặc biệt các nông hộ tham gia vào mô hình trồng thích ứng với biến đổi khí hậu, cần liên tục theo dõi để phát hiện bệnh và phòng trừ sớm, phải luôn tuân thủ theo hướng dẫn phòng bệnh. Khi trồng không đúng kỹ thuật, chăm sóc không đảm bảo dễ làm giảm năng suất cây trồng. Với bất kỳ loại nông sản nào thì giá cả và tìm kiếm thị trường tiêu thụ cũng như những liên kết trong tiêu thụ luôn là thách thức lớn cho người sản xuất khi phần lớn phụ thuộc vào thương lái. Một thị trường ổn định luôn đòi hỏi nhiều yêu cầu khắt khe nhất là về số lượng cung cấp và sự duy trì chất lượng sản phẩm nên cần có sự phối hợp giữa chính quyền địa phương cùng nông hộ sản xuất để có thể đưa ra giải pháp tốt nhất phát triển sản phẩm. Ngoài một số khó khăn trên thì nhiều nông hộ còn gặp các

khó khăn khác như thiếu vốn, đất sản xuất, thiếu kỹ thuật canh tác hiệu quả.

Trên cơ sở phân tích các khó khăn liên quan đến sản xuất và tiêu thụ mướp đắng của nông hộ, một số giải pháp được thảo luận và đề xuất từ phía chính quyền địa phương và nông hộ khảo sát.

Kết quả khảo sát cho thấy giải pháp được mong đợi nhất từ phía nông hộ và chính quyền địa phương là quy hoạch lại vùng trồng mướp đắng với 88,33% và tìm kiếm thị trường, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ, nâng cao chất lượng và số hóa sản phẩm để nâng cao giá trị sản phẩm với 83,33% ý kiến nông hộ. Khi quy hoạch vùng trồng mướp đắng, sẽ dễ dàng kiểm soát sản lượng đầu ra và trao đổi cùng các đối tác, không để sản phẩm cung cấp thiếu hụt hay dư thừa tồn đọng làm biến động giá cả thị trường. Một thị trường ổn định sẽ giúp bà con mạnh dạn đầu tư sản xuất từ đầu vào đến sản xuất đúng kỹ thuật tạo ra sản phẩm chất lượng (85,5%). Bên cạnh đó một số đề xuất như có chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất mướp đắng (63,33%), tổ chức tập huấn kỹ thuật (50%) đặc biệt về kỹ thuật phòng chống sâu, bệnh hại là những đề xuất cần thiết giúp người dân cải thiện hiệu quả canh tác. Trong tương lai đây là loại cây trồng tiềm năng, có thể phát triển vùng nguyên liệu sạch, xây dựng cơ sở chế biến tại chỗ nâng cao giá trị sản phẩm, số hóa và đưa sản phẩm lên sàn thương mại, góp phần vào sự phát triển địa phương ngày càng tốt hơn, phát triển bền vững loại cây trồng này.

4. KẾT LUẬN

Mướp đắng là loại cây đang được trồng phổ biến ở huyện Gio Linh, đem lại nguồn thu nhập khá tốt cho nông hộ. Thu nhập của các nông hộ đang dần được cải thiện nhờ bắt đầu phát triển các mô hình mướp đắng theo hướng VietGAP, tuy nhiên mức độ cải thiện thu nhập còn ở mức thấp so với lợi thế của vùng.

Về mạng lưới tiêu thụ mướp đắng ở địa phương còn đơn giản, chưa có kênh tiêu thụ thu mua với giá cả ổn định. Các kênh tiêu thụ thường do nông hộ chủ động liên kết, chủ yếu qua kênh thương lái. Sản phẩm được bán trực tiếp chưa được ký kết bán thông qua hợp đồng với HTX, doanh nghiệp.

Trên thực tế sản xuất, một sào mướp đắng đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn rất nhiều so với các loại cây trồng khác. Là cây trồng đang được chú trọng phát triển tại địa phương. Bên cạnh đó trồng mướp

đang đem lại lợi ích rất lớn về môi trường và xã hội khi giúp thay đổi phương thức canh tác sản xuất, giải quyết việc làm cho nhiều người dân, cải thiện đời sống văn hóa và cải thiện chất lượng môi trường nông thôn... Sản xuất và tiêu thụ mướp đắng còn phụ thuộc lớn vào nhiều yếu tố như thời tiết khí hậu, nhu cầu thị trường, giá cả, kinh nghiệm và năng lực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Vì vậy, trong những năm tới, chính quyền địa phương cần có các chính sách khuyến khích hỗ trợ, đầu tư phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cho nông hộ từ sản xuất mướp đắng. Quy hoạch sản xuất, liên kết các bên liên quan đặc biệt là giữa nông hộ sản xuất và các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước số hóa và hội nhập các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử là những hướng đi nhằm nâng cao hiệu quả cho nông hộ sản xuất mướp đắng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Minh Hải, Ngô Thị Hạnh (2020). Kết quả đánh giá một số tổ hợp lai mướp đắng triển vọng tại Gia Lâm, Hà Nội. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 3, 125 -130
2. Bùi Dũng Thế, Phạm Minh Hải (2019). Đánh giá kinh tế mô hình canh tác theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng cát huyện Hải Lăng. *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, 128 (5A), 5-15-15-15
3. Chandio, A. A., Jiang, Y., Rehman, A., & Dunya, R. (2018). The linkage between fertilizer consumption and rice production: Empirical evidence from Pakistan. *AIMS Agriculture and Food*, 3 (3), 295-305.
4. Zhang, C., Liu, S., Wu, S., Jin, S., Reis, S., Liu, H., & Gu, B. (2019). Rebuilding the linkage between livestock and cropland to mitigate agricultural pollution in China. *Resources, Conservation and Recycling*, 144, 65-73.
5. Báo cáo kinh tế - xã hội huyện Gio Linh (2020). Báo cáo kinh tế - xã hội và phương hướng nhiệm vụ giải pháp giai đoạn 2021-2025.
6. Likert, R (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Arch. Psychol.* 22 140: 55, accessed on 19 May 2017. Available at <http://psycnet.apa.org/psycinfo/1933-01885-001>
7. <http://ubmttqvn.quangtri.gov.vn/tin-tong-hop/trong-muop-dang-trong-nha-luoi-mang-lai-hieu-qua-544.html>

**PRODUCTION SITUATION AND LINKAGE IN CONSUMPTION BITTER GOURD OF
HOUSEHOLDS IN GIO TINH DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE**

Nguyen Tran Tieu Phung¹, Le Thi Hong Phuong^{1,*}

¹Hue University of Agriculture and Forestry, Hue University

** Email: lethihongphuong@huaf.edu.vn*

Summary

The study was carried out to evaluate the production status and linkage in bitter gourd consumption of households in Gio Linh district, Quang Tri province. Three main methods were used to collect data: in-depth interviews with key informants (n=12) and agents (n=8); group discussion (n=2 groups) and household interview (n=60). Research results show that bitter gourd is a popular plant grown in Gio Linh district, bringing a good source of income for households. The local network of bitter gourd consumption is still simple, there is no purchasing channel with stable prices. Consumption channels are often actively linked by households, mainly through traders. Products are sold directly without signing contracts with cooperatives and enterprises. The production and consumption of bitter gourd is highly dependent on many factors such as climate risk, market demand, price, experience and ability to apply scientific and technological advances.

Keywords: *Linkage, production, consumption, bitter gourd, efficiency, Gio Linh.*

Người phản biện: PGS.TS. Đào Thế Anh

Ngày nhận bài: 13/4/2022

Ngày thông qua phản biện: 13/5/2022

Ngày duyệt đăng: 19/5/2022